TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2020/HN-ST
Ngày: 02/7/2020
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Hữu Cương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thùy Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý, kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXX - HN ngày 29/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST – HN ngày 16/6/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1987. Cư trú: Ấp ĐB, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Có mặt*)

* *Bị đơn*: Chị Lâm Thị C, sinh năm: 1992. HKTT: Ấp ĐB, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chổ ở hiện nay: Ấp TTA, xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt lần 2, không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày và yêu cầu như sau*: Anh và chị C chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/8/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại ấp ĐB, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống luôn bất đồng quan điểm, tính tình không

hòa hợp. Mặc dù anh Th nhẫn nhịn nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã thật sự ly thân nhau cho đến nay là hơn 06 năm..

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Vĩnh T, sinh ngày 11/9/2008 và Nguyễn Vĩnh H, sinh ngày 13/12/2014. Hiện nay 02 cháu đang sống cùng chị C.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Anh Th yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Lâm Thị C.

- Về con chung: Đồng ý giao 02 cháu T và H cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lâm Thị C không có lời trình bày.*

* Tại phiên tòa:

- Anh Th yêu cầu được ly hôn với chị C, đồng ý giao 02 con cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản và nợ chung không có nên anh Th không yêu cầu giải quyết.

- Chị C vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay: Nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng nghiêm chỉnh và đúng qui định. Bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Th được ly hôn với chị C;

- Về con chung: Giao 02 cháu T và H cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lâm Thị C là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi anh Th khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì chị C đang cư trú tại tổ 10, ấp TTA, xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (*có xác nhận của chính quyền địa phương*) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trường hợp vắng mặt của chị C không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Th và chị C chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn UBND xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/8/2011 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh Th về việc ly hôn với chị C, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Th cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, tính tình không H hợp, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được nên anh chị đã ly thân hơn 06 năm nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh Th và chị C có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi là đúng.

Từ khi thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến chị C nhưng đến nay chị C không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh Th nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho anh Th được ly hôn với chị C.

[3] *Về quan hệ con chung:* HĐXX xét thấy, từ khi anh Th và chị C ly thân đến nay, 02 cháu T và H được chị C trực tiếp nuôi dưỡng được anh Th xác nhận nên việc giao 02 cháu cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và cũng phù hợp với

nguyện vọng của cháu T. Đồng thời, anh Th cũng đồng ý giao 02 cháu cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Th xác định không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Th và chị C thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc nguyên đơn anh Th phải chịu án phí số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn với chị Lâm Thị C.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao 02 cháu Nguyễn Vĩnh T (*sinh ngày 11/9/2008, giới tính nam*) và cháu Nguyễn Vĩnh H (*sinh ngày 13/12/2014, giới tính nam*) cho chị Lâm Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Khi cần thiết, chị C có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc anh Nguyễn Văn Th chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0007724 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Anh Th không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Anh Th có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/7/2020).

Riêng chị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã ĐH.
- Lưu HS, VP.